

Số: **9H3**/BC-CCTTBVT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **13** tháng **9** năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình sinh vật gây hại cây trồng

(Từ ngày 06 tháng 9 năm 2023 đến ngày 12 tháng 9 năm 2023)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

Có mây, có mưa rào và dông vài nơi, riêng chiều tối và tối có mưa rào và dông rải rác. Gió tây nam cấp 2 - 3. Nhiệt độ thấp nhất từ 24°C - 27°C, nhiệt độ cao nhất từ 30°C - 33°C.

Dự báo tuần tới: Chiều tối và đêm có mưa rào và dông rải rác, cục bộ có mưa vừa, mưa to. Nhiệt độ trung bình từ: 27,5°C - 28,5°C. Giá trị tổng lượng mưa 50 - 80 mm.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

a) Cây lúa

Vụ Hè thu 2023		Vụ Mùa 2023	
Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo trồng (ha)	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo trồng (ha)
Mạ	-	Mạ	516,0
Đẻ nhánh	-	Đẻ nhánh	1.925,0
Làm đòng	-	Làm đòng	496,0
Trổ	-	Trổ	59,0
Chín	162,0	Chín	-
Thu hoạch	4.746,5	Thu hoạch	-
Tổng	4.908,5	Tổng	2.996,4

b) Cây trồng khác

Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	DTGT (ha)	Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	DTGT (ha)
1. Cây rau vụ Mùa 2023		3.811,6	2. Hoa, cây kiểng		2.111
- RALNN	Nhiều giai đoạn	1.016,8	Hoa lan	Nhiều giai đoạn	335
- RALDN	-	-	Hoa mai	Nhiều giai đoạn	765
- RCQNN	Nhiều giai đoạn	366,3	3. Cây lương thực		-
- RCQDN	Nhiều giai đoạn	295,5	Bắp	Sinh trưởng	-
- Rau gia vị	Nhiều giai đoạn	152,9	Khoai mì	Sinh trưởng	-
- Rau thủy sinh	Nhiều giai đoạn	125,6	4. Cây công nghiệp		1.390,3
- RMN	Nhiều giai đoạn	1.024,2			

Ghi chú: DTGT: Diện tích gieo trồng; RALNN: Rau ăn lá ngắn ngày; RALDN: Rau ăn lá dài ngày; RCQNN: Rau củ quả ngắn ngày; RCQDN: Rau củ quả dài ngày; RMN: Rau mương nước;

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU

1. Số liệu theo dõi rầy nâu vào bẫy đèn trên lúa (con/bẫy/đêm)

TT	HUYỆN	XÃ	Ngày vào đèn							
			05/9	06/9	07/9	08/9	09/9	10/9	11/9	12/9
1	Củ Chi	Thái Mỹ	512	224	192	208	200	184	216	-
		Trung Lập Thượng	52	69	56	63	59	68	-	-

III. TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU

1. Mật độ, tỷ lệ sinh vật gây hại chủ yếu

a) Trên cây lúa vụ Mùa 2023

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Sâu cuốn lá	1-5			1-5	CC
2	Bọ xít hôi	3-5			1-3	CC
3	Bọ trĩ	3-5			1-5	CC
4	Sâu phao	1-5			1-5	CC
5	Đạo ôn	3-10%			1-3	CC
6	Đốm vằn	3-5%			1-3	CC
7	OBV	3-10			Các giai đoạn	CC
8	Chuột	3			Các giai đoạn	CC

b) Trên cây rau

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Bọ nhảy	2-120			1-5	HM, Q12, BC, BT
2	Sâu xanh	1-10			1-5	HM, Q12, CC, BC, BT
3	Sâu tơ	3-12			1-5	TĐ, HM, Q12, BC, BT
4	Dòi đục lá	2-6			1-5	HM, CC
5	Sâu đục trái	2-4			1-5	BC
6	Sâu ăn tạp	2-100			1-5	TĐ, HM, Q12, CC, BC, BT
7	Bọ trĩ	1-10			1-5	BC, CC
8	Rầy mềm	1-900			1-5	BC, BT
9	Rầy xanh	3-7			1-5	BC, HM, CC
10	Rầy xám	100->500			1-5	HM, Q12, TĐ
11	Sâu đục đọt	5-10			1-5	BC
12	Bọ xít đen	5-10			1-5	TĐ
13	Ruồi đục trái	3-5			1-5	BC, CC
14	OBV	3-30			Các giai đoạn	TĐ, HM, Q12
15	Ốc sên	2-5			Các giai đoạn	Q12, BC
16	Tnhũn/r.cải	1-10			1-3	HM, Q12, BC
17	Rỉ trắng/RM	2-10			1-3	TĐ, HM, Q12, CC, BC, BT
18	Đốm lá	2-5			1-3	BC, HM, Q12
19	Ph.vàng/dưa leo, khô qua	5-7			1-3	HM
20	Vàng lá	2-10			1-3	TĐ, HM

2. Nhận xét tình hình sinh vật gây hại trong kỳ

a) Cây lúa vụ Hè thu 2023

Cây lúa đã thu hoạch khoảng 98% diện tích nên tình hình sinh vật hại trên đồng ruộng còn không đáng kể.

b) Cây lúa vụ Mùa 2023

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên lúa là 494,0 ha, tăng 38,0 ha so với tuần trước. Diện tích nhiễm tập trung tại huyện Củ Chi. Các sinh vật hại trên lúa hiện nay chủ yếu gồm có: Sâu cuốn lá, bọ xít hôi, bọ trĩ, sâu phao, ốc brou vàng, chuột và bệnh đạo ôn, đốm vằn. Các sinh vật hại đều ở mức nhiễm nhẹ.

- Sâu phao: Diện tích nhiễm 98,0 ha, tăng 06,0 ha so với tuần trước.
- Bọ trĩ: Diện tích nhiễm 52,0 ha, giảm 27,0 ha so với tuần trước.
- Sâu cuốn lá: Diện tích nhiễm 41,0 ha, tăng 14,0 ha so với tuần trước.
- Ốc brou vàng: Diện tích nhiễm 93,0 ha, giảm 9,0 ha so với tuần trước.
- Chuột: Diện tích nhiễm 102,0 ha, tăng 11,0 ha so với tuần trước.
- Bệnh đạo ôn: Diện tích nhiễm 59,0 ha, tăng 22,0 ha so với tuần trước.
- Bệnh đốm vằn: Diện tích nhiễm 43,0 ha, tăng 15,0 ha so với tuần trước.

c) Cây rau

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên rau trong tuần qua là 524,1 ha, tăng 15,8 ha so với tuần trước, trong đó diện tích phòng trừ là 310,9 lượt ha chiếm 59,3% diện tích nhiễm sinh vật hại. Các sinh vật hại chủ yếu là sâu ăn tạp, sâu xanh, rầy xám, ruồi đục trái, dòi đục lá, ốc brou vàng, bệnh rỉ trắng, bệnh thối nhũn và bệnh vàng lá. Các sinh vật hại đều có mật số và tỉ lệ bệnh ở mức nhẹ.

- Sâu ăn tạp: Diện tích nhiễm 103,2 ha, tăng 2,7 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở Quận 12, huyện Hóc Môn, Bình Chánh, Củ Chi.
- Sâu xanh: Diện tích nhiễm 54,4 ha, tăng 2,6 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Bình Chánh, Củ Chi.
- Rầy xám: Diện tích nhiễm 18,1 ha, giảm 0,3 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở Quận 12, huyện Hóc Môn.
- Ruồi đục trái: Diện tích nhiễm 17,2 ha, tăng 5,9 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi, Bình Chánh.
- Dòi đục lá: Diện tích nhiễm 16,2 ha, tăng 03 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Bình Chánh.
- Ốc brou vàng: Diện tích nhiễm 208,6 ha, tương đương so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở thành phố Thủ Đức, Quận 12, huyện Hóc Môn.
- Bệnh rỉ trắng: Diện tích nhiễm 30,1 ha, tăng 1,9 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở thành phố Thủ Đức, huyện Hóc Môn, Bình Chánh, Củ Chi và Quận 12.
- Bệnh thối nhũn: Diện tích nhiễm 9,1 ha, tăng 1,0 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Bình Chánh, Quận 12.
- Bệnh vàng lá: Diện tích nhiễm 7,8 ha, tăng 0,2 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn và thành phố Thủ Đức.

d) Trên cây trồng khác

Cây bắp: Chưa ghi nhận diện tích bị sâu keo mùa thu (*Spodoptera frugiperda*) gây hại trên cây bắp.

Cây khoai mì: Chưa ghi nhận diện tích trồng khoai mì bị nhiễm bệnh khảm lá.

Cây dứa: Chưa ghi nhận diện tích bị sâu đầu đen (*Opisina arenosella*) gây hại trên cây dứa.

IV. DỰ BÁO SINH VẬT GÂY HẠI VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ

1. Dự báo sinh vật gây hại chủ yếu trong kỳ tới

a) Cây lúa

- Rầy nâu: Rầy nâu ngoài đồng phổ biến ở giai đoạn tuổi 2 - 4 với mật số thấp. Chú ý theo dõi chặt chẽ diễn biến của rầy trên đồng, khi thấy rầy tuổi 2-3 xuất hiện với mật số cao (>3 con/dảnh) thì có thể sử dụng thuốc chống lột xác nằm trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam để phun trừ, tuân thủ nguyên tắc 4 đúng khi phun thuốc. Các địa phương đã thu hoạch lúa Hè Thu chuẩn bị xuống giống lúa Mùa cần cày vùi, phơi ải, làm đất thật kỹ, chuẩn bị giống tốt để gieo sạ đúng lịch thời vụ của địa phương nhằm đảm bảo xuống giống an toàn, hạn chế ảnh hưởng của điều kiện thời tiết bất lợi.

- Điều kiện thời tiết có mưa vào chiều tối tạo điều kiện cho nấm bệnh phát triển, khuyến cáo nông dân thăm đồng thường xuyên, theo dõi diễn biến của bệnh đạo ôn lá, đốm vằn, ... trên đồng để phát hiện bệnh sớm và đưa ra biện pháp quản lý phù hợp.

- Chú ý ốc bươu vàng gây hại trên các ruộng lúa mới xuống giống <15 ngày sau sạ, sâu cuốn lá nhỏ trên lúa giai đoạn đẻ nhánh - đòng; bọ trĩ, sâu phao giai đoạn mạ - đẻ nhánh.

- Các đối tượng khác xuất hiện và gây hại với tỷ lệ và mật số không cao.

b) Cây rau

- *Rau ăn lá*: Cần chú ý các loài sâu hại phổ biến như bọ nhảy, sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang, rầy xám, bọ trĩ. Ngoài ra cần chú ý phòng trị một số bệnh như bệnh gỉ trắng trên cây rau muống, bệnh đốm lá, vàng lá.

- *Rau ăn quả*: Lưu ý các sinh vật hại phổ biến như sâu ăn tạp, sâu xanh, ruồi đục trái, rầy mềm, đốm lá, vàng lá.

c) Cây trồng khác

- *Cây khoai mì*: Theo dõi bệnh khảm lá virus trên cây khoai mì vụ Hè Thu 2023.

Ngoài ra, lưu ý các đối tượng sinh vật gây hại như: nhện đỏ, bọ phấn trắng, rệp sáp bột hồng, rệp sáp... gây hại trên sản giai đoạn phát triển thân lá - phát triển củ - thu hoạch.

- *Cây dứa*: Cần lưu ý các đối tượng như bọ cánh cứng, bọ vòi voi, sâu đầu đen.

Ngoài ra, cũng cần lưu ý đến bệnh rụng lá đốm tròn trên cây cao su; bệnh Greening, và sâu đục trái trên cây có múi; Sâu đục thân, rệp sáp, rầy đầu vàng trên các ruộng mía giai đoạn đẻ nhánh tích cực và vươn lóng.

2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ sinh vật gây hại chủ yếu trong kỳ tới

- Theo dõi diễn biến sinh vật gây hại trên đồng ruộng, tình hình thu hoạch vụ Hè Thu và tình hình xuống giống vụ Mùa năm 2023.

- Thường xuyên cử cán bộ kỹ thuật theo dõi, bám sát đồng ruộng, điều tra nắm bắt kịp thời tình hình sinh vật hại để phòng trị kịp thời, tránh sâu hại lây lan và gây hại trên diện rộng, ảnh hưởng đến năng suất.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV ngày 06/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 9864/CT-BNN-BVTV ngày 19/12/2018 của Bộ NN&PTNT về việc tăng cường công tác phòng, chống chuột bảo vệ sản xuất.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị 4962/BNN-BVTV ngày 15/7/2019 của Bộ trưởng về tăng cường chỉ đạo phòng chống sâu keo mùa thu hại ngô, giám sát Phòng chống hiện tượng lùn xoắn lá ngô; Theo dõi chặt chẽ diễn biến của sâu keo mùa thu hại ngô, áp dụng Quy trình kỹ thuật phòng, chống sâu keo mùa thu do Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành trong Quyết định số 218/QĐ-BNN-BVTV ngày 16/01/2020.

- Trên nhóm cây có múi áp dụng các biện pháp quản lý trong quy trình phòng trừ bệnh greening và sâu đục trái cây có múi đã được ban hành. Khuyến cáo áp dụng biện pháp bao trái để phòng ngừa sâu đục trái gây hại./.

Nơi nhận:

- Trung tâm BVTV Phía Nam;
- Sở NN và PTNT (phòng KHCN);
- UBND TP.Thủ Đức;
- UBND huyện: CC, HM, BC, NB, CG;
- UBND Quận: 7, 12, Bình Tân;
- Chi cục TTBVTV các tỉnh phía Nam;
- Hội Nông dân Thành phố;
- Trung tâm Khuyến nông;
- Ban lãnh đạo Chi Cục;
- Phòng: BVTV, TT;
- Trạm TTBVTV;
- Lưu: VT, BVTV.ĐTH (02).

**KT.CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**



Trương Công Lực

Phụ lục I
TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỆM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY LÚA VỤ MÙA NĂM 2023
(Kèm theo Báo cáo số: **9**/BC-CCTTBVT, ngày **13** tháng **9** năm 2023 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiệm (ha)		Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố	
		Nhẹ-Tb	Nặng		MT	Kỳ trước			CKNT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Sâu cuốn lá	41,0			41,0	27	-		CC
2	Bọ xít hôi	6,0			6,0	-	-		CC
3	Bọ trĩ	52,0			52,0	79	84		CC
4	Sâu phao	98,0			98,0	92	63		CC
5	Đạo ôn	59,0			59,0	37	-		CC
6	Đốm vằn	43,0			43,0	28	-		CC
7	OBV	93,0			93,0	102	94		CC
8	Chuồn	102,0			102,0	91	69		CC
	Tổng	494,0			494,0	456,0	310,0		

CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Phụ lục II

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỆM SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU TRÊN CÂY RAU

(Kèm theo Báo cáo số: **QH/BC-CCTBTV**, ngày **13** tháng **9** năm 2023 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)			Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhẹ-Tb	Nặng	MT		Kỳ trước	CKNT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Bọ nhảy	16,0			16,0	17,16	23,8	10,8	HM, Q12, BC, BT
2	Sâu xanh	54,4			54,4	51,8	47,2	35,3	HM, Q12, CC, BC, BT
3	Sâu tơ	11,1			11,1	11,3	10,0	6,7	TĐ, HM, Q12, BC, BT
4	Dòi đục lá	16,2			16,2	13,2	12,6	8,1	HM, CC
5	Sâu đục trái	1,8			1,8	1,8	1,7	1,8	BC
6	Sâu ăn tạp	103,2			103,2	100,5	123,3	65,7	TĐ, HM, Q12, CC, BC, BT
7	Bọ trĩ	7,7			7,7	7,7	7,9	5,7	BC, CC
8	Rầy mềm	1,1			1,1	1,1	1,4	1,0	BC, BT
9	Rầy xanh	9,9			9,9	9,8	10,6	6,5	BC, HM, CC
10	Rầy xám	18,1			18,1	18,4	41,9	9,2	HM, Q12, TĐ
11	Sâu đục đọt	0,8			0,8	0,8	1,2	0,8	BC
12	Bọ xít đen	4,0			4,0	4,0	1,0		TĐ
13	Ruồi đục trái	17,2			17,2	11,3	4,0	12,2	BC, CC
14	OBV	208,6			208,6	208,6	208,6	110,1	TĐ, HM, Q12
15	Ốc sên	0,60			0,60	0,60	0,60	0,5	Q12, BC
16	Tnhũn/r.cài	9,1			9,1	8,1	11,8	5,8	HM, Q12, BC
17	Ri trắng/RM	30,1			30,1	28,2	45,0	21,6	TĐ, HM, Q12, CC, BC, BT
18	Đóm lá	5,4			5,4	5,5	11,0	3,8	BC, HM, Q12
19	Ph. vàng/dưa leo, khố qua	1,0			1,0	0,8	0,6	0,5	HM
20	Vàng lá	7,8			7,8	7,6	5,3	4,8	TĐ, HM
	Tổng	524,1			524,1	508,3	569,6	310,9	

CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT